

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/DS - PT  
Ngày 12 - 8 - 2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Thạch Thia - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLPT-DS ngày 09 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 209/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 6 năm 2022 và thông báo số: 233/TB- TA ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc tiếp tục phiên tòa giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị U, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp A, xã Vinh K, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà U: Ông Trần Minh Nh, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp A, xã VK, huyện CN, tỉnh Trà Vinh. Theo văn bản ủy quyền ngày 27/6/2022.

**- Bị đơn:** Ông Lê Xuân T, sinh năm 1960

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã DH, tỉnh Trà Vinh.

**- Người kháng cáo:** Ông Lê Xuân T là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị U trình bày:* Bà và ông Lê Xuân T có mối quan hệ bạn bè nên vào tháng 11 năm

2019 (AL), bà có cho ông T mượn tiền 02 lần tổng cộng là 35.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Trong tháng 11/2019(AL), bà cho ông T mượn 10.000.000 đồng tại quán nước ở xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang không có người chứng kiến, không có giấy tờ mượn tiền, mục đích để ông T mua con giống về nuôi.

- Lần thứ hai: Ông T không có tiền mua tôm giống nên nhờ bà hỏi tiền của bà Trương Thị Tất, sinh năm 1959 tại ấp Bến Đáy B, thị trấn Mỹ Long, huyện Cầu Ngang nhưng bà Tất nói không có tiền. Thấy vậy, bà mới bán 01 cây vàng 18K lấy tiền cho ông T mượn 25.000.000 đồng tại nhà ông T, không có người chứng kiến, không có giấy tờ mượn tiền. Bà có nói với ông T khi nào qua Tết năm 2020 thì trả lại tiền cho bà.

Qua Tết năm 2020, bà đòi lại tiền thì ông T không chịu trả, bà làm đơn gửi chính quyền Khóm 30/4, Phường 2 nhờ giải quyết. Lần thứ nhất chính quyền địa phương mời nhưng ông T không đến, lần thứ hai do trời mưa bà không đi được nên chính quyền địa phương trả lại đơn và kêu bà khởi kiện tại Tòa án. Nay bà yêu cầu ông T trả cho bà số tiền mượn là 35.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

*Bị đơn ông Lê Xuân T trình bày:* Vào ngày 25/11/2019(AL), bà Bùi Thị U có đưa cho ông 10 triệu đồng để nhờ ông mua cua giống về thả nuôi vì ông có cho bà U mượn 01 hồ để nuôi cua. Bà U đưa tiền tại nhà ông chứ không phải ở quán nước như bà U trình bày. Do cua nuôi bị chết hết nên không bán được gì, coi như bà U lỗ 10 triệu đồng. Vào sáng ngày 23/02/2020 (AL), ông lên nhà bà U kêu con bà U là Lâm Thế Mạnh nói chuyện có nội dung là bà U hùn nuôi tôm với ông. Nếu hùn thì bà U phải xuống Duyên Hải trực phụ nuôi, khi nào bà U đi Đài Loan làm thì ông Mạnh xuống phụ ông nuôi tôm thì ông Mạnh đồng ý. Đến khoảng 01 giờ chiều ngày 23/02/2020 (AL), bà U đem tiền 25.000.000 đồng xuống nhà ông đưa cho ông mua tôm giống. Đến 05 giờ chiều cùng ngày thì Công ty Việt Úc đưa tôm xuống, ông mua tổng cộng là 36.000.000 đồng. Sau khi nuôi tôm được 01 tháng 10 ngày thì tôm chết hết nên xả nước bỏ. Tổng chi phí hết là 110.000.000 đồng. Nay bà U cho rằng ông có mượn bà U số tiền là 35.000.000 đồng là không đúng nên ông không đồng ý trả tiền cho bà U. Ông yêu cầu bà U có nghĩa vụ trả cho ông tiền hùn nuôi tôm bị lỗ là 20.000.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải đã quyết định:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26, 12, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị U.

Buộc ông Lê Xuân T phải trả cho bà Bùi Thị U số tiền còn nợ là 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ông Lê Xuân T có quyền khởi kiện để yêu cầu bà Bùi Thị U trả số tiền hùn nuôi tôm bị thua lỗ là 20.000.000 đồng trong một vụ án khác theo quy định pháp luật, khi ông Lê Xuân T có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, ông Lê Xuân T kháng cáo bản án sơ thẩm, không chấp nhận trả số tiền lãi 35.000.000 đồng cho bà U và yêu cầu bà U trả cho ông 35.000.000 đồng tiền hùn vốn nuôi tôm bị thua lỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà U không yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông T giữ nguyên đơn kháng cáo.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, vị Kiểm sát viên cho rằng căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa cho thấy ông T có nhận số tiền 35.000.000 đồng từ bà U, việc ông T cho rằng ông nhận số tiền trên là bà U nhờ ông mua cua giống và hùn với ông T nuôi tôm nhưng ông T không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông nên việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông T trả cho bà U số tiền nợ vay 35.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Đối với kháng cáo của ông T yêu cầu bà U trả số tiền 35.000.000 đồng tiền nuôi tôm bị thua lỗ, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu ông nộp đơn yêu cầu phản tố nhưng ông không nộp, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết nên cấp phúc thẩm không xem xét phần kháng cáo này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông trả cho bà U số tiền 35.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông T thừa nhận ông có nhận tiền từ bà U 02 lần tổng số tiền là 35.000.000 đồng, ông T cho rằng việc ông nhận số tiền 10.000.000 đồng của bà U là bà U nhờ ông mua cua giống và nhận số tiền 25.000.000 đồng là bà U hùn tiền mua tôm giống để hùn nuôi tôm chung với ông nhưng ông T không chứng minh được việc thỏa thuận hùn này mỗi người phải bỏ

ra số tiền là bao nhiêu, việc phân chia lợi nhuận hay phải chịu thua lỗ như thế nào, trong khi đó bà U không thừa nhận có sự việc như ông T trình bày. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/7/2022 thì ông cho rằng ông không có nhận số tiền 35.000.000 đồng từ bà U, ông cho rằng số tiền 10.000.000 đồng là bà U đưa trực tiếp cho người bán cua nhưng ông không biết người bán cua là ai, hiện nay ở đâu; còn số tiền 25.000.000 đồng là bà U đưa cho người của công ty tôm giống dưới sự chứng kiến của bà Lê Thị Chi, ông Huỳnh Trung Phẩm. Qua xác minh bà Chi, ông Phẩm đều cho rằng các ông, bà không có chứng kiến sự việc bà U giao số tiền 25.000.000 đồng như ông T khai. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận phần kháng cáo này của ông T, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải trả cho bà U số tiền 35.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà U trả cho ông 35.000.000 đồng tiền nuôi tôm bị thua lỗ, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích và yêu cầu ông làm đơn yêu cầu phản tố đối với yêu cầu này nhưng ông không làm đơn yêu cầu phản tố nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết, nay ông kháng cáo phần này là ngoài phạm vi xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đối với phần kháng cáo này của ông.

[3] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên về việc đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T không đồng ý trả cho bà U số tiền 35.000.000 đồng; như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do ông T là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử miễn án phí phúc thẩm cho ông T.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Xuân T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2022/DS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị U.

Buộc ông Lê Xuân T phải trả cho bà Bùi Thị U số tiền còn nợ là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất

quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Xuân T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị U không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Bùi Thị U tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001820 ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Xuân T được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thị xã Duyên Hải;
- Chi cục THADS thị xã Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Văn Hùng**